

LESSON 1**I.NEW WORDS**

1.feel	(v): cảm thấy
2.matter	(n): vấn đề
3.have a headache	(v): đau đầu
4.have a toothache	(v): đau răng
5.have a sore throat	(v): viêm họng
6.have a stomachache	(v): đau dạ dày, đau bụng
7.tired	(adj): mệt mỏi
8.clinic	(n): p.khám chữa bệnh, p. y tế
9.I don't feel well= I'm not very well	: tôi cảm thấy không khỏe
10. I'm sorry to hear that	: tôi rất tiếc khi nghe điều đó